

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

LÊ VIỆT KIÊN

**NGƯỜI LÀM CHỨNG TRONG
LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM
TRÊN CƠ SỞ NGHIÊN CỨU TẠI TỈNH ĐẮK LẮK**

*Chuyên ngành: Luật hình sự và tổ tụng hình sự
Mã số: 60 38 01 04*

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2015

**Công trình được hoàn thành tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Cán bộ hướng dẫn khoa học: TS. ĐỖ THỊ PHƯỢNG

***Phản biện 1:***

***Phản biện 2:***

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2015

Có thể tìm hiểu luận văn tại

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các ký hiệu, các chữ viết tắt

Danh mục bảng

MỞ ĐẦU 1

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGƯỜI LÀM CHỨNG TRONG LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ 6

1.1. Khái niệm và đặc điểm về người làm chứng 6

1.1.1. Khái niệm người làm chứng..... 6

1.1.2. Đặc điểm về người làm chứng 11

1.2. Vai trò của người làm chứng trong tố tụng hình sự 14

1.3. Quy định về người làm chứng trong pháp luật tố tụng hình sự một số nước trên thế giới 20

1.3.1. Quy định về người làm chứng trong pháp luật tố tụng hình sự của Cộng hòa liên bang Đức 20

1.3.2. Quy định về người làm chứng trong pháp luật tố tụng hình sự của Cộng hòa Pháp..... 21

1.3.3. Quy định về người làm chứng trong pháp luật tố tụng hình sự của Liên bang Nga 23

1.3.4. Quy định về người làm chứng trong pháp luật tố tụng hình sự của Nhật Bản 24

Chương 2: QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ NGƯỜI LÀM CHỨNG VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI TỈNH ĐẮK LẮK..... 27

2.1. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành về người làm chứng	27
2.1.1. Quy định về quyền của người làm chứng	27
2.1.2. Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về nghĩa vụ của người làm chứng.....	34
2.1.3. Một số quy định khác trong luật tố tụng hình sự Việt Nam có liên quan đến người làm chứng.....	39
2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về người làm chứng tại tỉnh Đắk Lắk.....	45
2.2.1. Những kết quả đạt được và nguyên nhân	45
2.2.2. Những hạn chế và nguyên nhân.....	54
Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ VỀ NGƯỜI LÀM CHỨNG TẠI TỈNH ĐẮK LẮK	68
3.1. Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về người làm chứng	68
3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả về người làm chứng tại tỉnh Đắk Lắk.....	94
KẾT LUẬN	98
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	101

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đi đôi với quá trình hội nhập phát triển kinh tế là yêu cầu xây dựng một xã hội có những thiết chế pháp luật chặt chẽ và cụ thể, trong đó quyền con người phải được tôn trọng và bảo vệ. Người làm chứng được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2003 là cơ sở pháp lý quan trọng để nâng cao vai trò, vị trí và bảo vệ người làm chứng - là một chủ thể trong vụ án hình sự góp phần làm rõ sự thật khách quan của vụ án, là một chế định lâu đời trong hệ thống pháp luật của nhà nước ta và các nước khác trên thế giới, xuất phát từ lời khai của người làm chứng là một trong những chứng cứ có vai trò rất quan trọng giúp vụ án được sáng tỏ.

Hiện nay Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định theo hướng ngày càng hoàn thiện hơn về quyền và nghĩa vụ của người làm chứng, mở rộng quyền của họ và những biện pháp bảo đảm tố tụng cho các quyền đó. Tuy nhiên, việc quy định các quyền và nghĩa vụ của người làm chứng và quy định về địa vị pháp lý của người làm chứng trong BLTTHS năm 2003 vẫn chưa tạo cơ sở pháp lý phù hợp để khuyến khích người làm chứng tích cực thực hiện nghĩa vụ công dân của mình, hợp tác với nhà nước trong đấu tranh phòng chống tội phạm, xác minh sự thật khách quan của vụ án, chưa thực sự bảo đảm các quyền, lợi ích chính đáng của người làm chứng. Trong khi đó, hoạt động của tội phạm ngày càng nguy hiểm và táo tợn hơn trong việc trả thù, đe dọa, hành hung người làm chứng. Hiện nay những quy định về người làm chứng trong pháp luật hiện hành còn nhiều bất cập về nội dung và những cơ chế chưa được giải quyết.

Từ những vấn đề nêu trên, người làm chứng trong luật tố tụng hình sự Việt Nam, nhất là đối với các vụ án lớn, người làm chứng thường ít ra làm chứng, từ chối làm chứng, khai báo chịu sự tác động của nhiều yếu tố khách quan, chủ quan chi phối gây thiệt hại cho nhà nước, xã hội. Cùng với việc đẩy mạnh hội nhập phát triển kinh tế, xã hội. Đảng và nhà nước ta cũng đang tiến hành cải cách tư pháp theo Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, hoàn thiện hệ thống pháp luật trong nước, phù hợp với hội nhập quốc tế trong đó các quy định về quyền, nghĩa vụ của người làm chứng là một dẫn chứng cụ thể.

Việc nghiên cứu người làm chứng trong Bộ luật tố tụng hình sự Việt

Nam để có cái nhìn sâu hơn, đầy đủ hơn và có những giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật về người làm chứng là hoàn toàn cần thiết.

Xuất phát từ thực tế cấp thiết đó tôi đã chọn đề tài: ***“Người làm chứng trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam trên cơ sở nghiên cứu tại tỉnh Đắk Lắk”*** làm cơ sở nghiên cứu khoa học của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Có nhiều tác giả nghiên cứu trong các công trình khoa học có cấp độ khác nhau quy định của pháp luật về người làm chứng trong luật Hình sự. Trong đó có một số bài viết như: *“Bảo vệ người làm chứng và quyền miễn trừ người làm chứng trong tố tụng hình sự”* của PGS.TS Nguyễn Thái Phúc, trường Đại học Luật Tp Hồ Chí Minh (Tập chí khoa học pháp lý số 3 năm 2007); *“Lời khai của người làm chứng trong vụ án hình sự”* của T.S Trần Quang Tiệp, Tổng cục An ninh, Bộ công an (Tập chí khoa học pháp lý số 4 năm 2005); *“Hoàn thiện quy định của BLTTHS nhằm bảo vệ người làm chứng khi tham gia tố tụng”* của Th.s Nguyễn Hải Ninh (Trường Đại học Luật Hà Nội); *“Hoàn thiện cơ sở pháp lý về bảo vệ người tố giác, người làm chứng, người bị hại trong vụ án hình sự”* của PGS-TS Trần Đình Nhã (Phó chủ nhiệm Ủy ban quốc phòng và an ninh của Quốc hội); *“Một số vấn đề trong việc bảo vệ người làm chứng”* của tác giả Đinh Tuấn Anh (Học viện Cảnh sát) trên tạp chí kiểm sát số 7/2008; *“Quyền con người, quyền công dân trong hiến pháp Việt Nam”* của PGS-TS Nguyễn Văn Động, Nxb khoa học xã hội 2005; đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở *“Các quyền cơ bản hiến định của công dân trong lĩnh vực tố tụng hình sự”* của T.S Tô Văn Hòa trường Đại học Luật Hà Nội; *“Những vấn đề lý luận về bảo vệ các quyền con người bằng pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự”* của PGS.TSKH Lê Cẩm, tạp chí Tòa án nhân dân số 01/2006; *“Một số vấn đề cần chú ý về tâm lý xã hội của người làm chứng”* của Đinh Thế Anh, tạp chí kiểm sát số 7/2008; *“Cần quy định rõ, đầy đủ tư cách pháp lý quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng”* của Đinh Văn Lý tạp chí kiểm sát số 17/2009; *“Vấn đề bảo vệ nhân chứng, người tố giác và những người tham gia tố tụng khác”* của T.S Phạm Mạnh Hùng, trường Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm sát (Tạp chí kiểm sát số 7 tháng 4 năm 2012); *“Hoàn thiện chế định người làm chứng trong tố tụng hình sự đảm bảo tính khách quan, minh bạch tại phiên tòa”* của Th.S Nguyễn Thị Tuyết, Tòa án quân sự Trung ương (tạp chí Tòa án nhân dân số 10 tháng 5 năm 2011) v.v...

Các bài viết này đã đề cập đến nhiều khía cạnh phân tích, bình luận các quyền và nghĩa vụ cũng như địa vị pháp lý của người làm chứng trong Bộ luật tố tụng hình sự, giúp người đọc nhận thức cụ thể, chi tiết hơn về người làm chứng về địa vị pháp lý của người làm chứng trong TTHS Việt Nam như về vai trò của người làm chứng; đặc điểm về tâm lý xã hội khi tham gia làm chứng; cơ sở pháp lý bảo vệ người làm chứng. Có những bài viết đã chỉ ra được những tồn tại, vướng mắc trong thực tiễn thực hiện các quy định của pháp luật hình sự về người làm chứng từ đó đề xuất một số kiến nghị giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về người làm chứng trong TTHS.

Mặc dù đã có nhiều công trình khoa học nghiên cứu trực tiếp hoặc gián tiếp về người làm chứng trong TTHS Việt Nam. dưới nhiều góc độ khác nhau như đã nêu và đã góp phần làm phong phú, hoàn thiện hơn khoa học pháp luật nói chung, khoa học pháp luật TTHS nói riêng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tuy nhiên qua nghiên cứu và tìm hiểu nhiều nguồn thông tin khác nhau tác giả nhận thấy chưa có Luận văn thạc sỹ, Luận án tiến sỹ nào nghiên cứu về đề tài *“Người làm chứng trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam trên cơ sở nghiên cứu tại tỉnh Đắk Lắk”*

3. Mục đích, nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu của luận văn

Mục đích: Luận văn làm rõ một số vấn đề lý luận và thực tiễn của việc quy định quyền và nghĩa vụ người làm chứng, đánh giá những ưu điểm và hạn chế trong các quy định pháp luật về vấn đề này, từ đó tìm ra những nguyên nhân và giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về người làm chứng trong TTHS.

Nhiệm vụ nghiên cứu: Nghiên cứu cơ sở lý luận về vai trò, ý nghĩa cũng như quyền và nghĩa vụ của người làm chứng theo quy định của BLTTHS năm 2003. Phân tích đánh giá tính khả thi của pháp luật về người làm chứng, từ đó nêu lên những bất cập tồn tại trong quy định của luật cũng như trong quá trình áp dụng pháp luật. Phân tích quy định về địa vị pháp lý của người làm chứng trên cơ sở làm rõ yếu tố tâm lý người làm chứng, vai trò của họ trong giải quyết vụ án hình sự. Tìm ra những giải pháp, phương thức hoàn thiện các quy định pháp luật và việc áp dụng thống nhất pháp luật, đảm bảo thực hiện quyền và nghĩa vụ của người làm chứng. Nghiên cứu số liệu trên cơ sở tổng kết công tác năm 2009 - 2013 của ngành Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về người làm chứng trong tố

tụng hình sự và đề ra những giải pháp, kiến nghị để hoàn thiện các quy định về người làm chứng.

Về phạm vi nghiên cứu: Luận văn tập trung phân tích quy định của BLTTHS năm 2003 về quyền và nghĩa vụ người làm chứng trên cơ sở lý luận và thực tiễn thực hiện những quy định về quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc đảm bảo quyền của người làm chứng.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, những quan điểm của Đảng và Nhà nước và quy định trong Hiến pháp về quyền con người, luận văn được nghiên cứu chủ yếu bằng phương pháp luận duy vật biện chứng, phương pháp duy vật lịch sử; kết hợp với các phương pháp nghiên cứu khoa học truyền thống khác như: thu thập, phân tích các văn bản quy phạm pháp luật, tổng hợp, so sánh, thống kê, nghiên cứu thực tiễn và phân tích các bất cập trong các vụ án có người làm chứng và một số phương pháp luận khác.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Lý luận: Luận văn góp phần làm sáng tỏ và bổ sung vào khoa học pháp lý của luật tố tụng hình sự Việt Nam về người làm chứng. Là tài liệu tham khảo trong quá trình nghiên cứu, giảng dạy pháp luật tại các cơ sở đào tạo Luật của Việt Nam.

Thực tiễn: Luận văn nghiên cứu làm cơ sở cho việc hoạch định và thực thi nhiệm vụ trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm và là tài liệu tham khảo cho cơ quan tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng.

6. Bố cục của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm ba chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về người làm chứng trong luật tố tụng hình sự

Chương 2: Quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành về người làm chứng và thực tiễn áp dụng tại tỉnh Đắk Lắk.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và nâng cao hiệu quả về người làm chứng tại tỉnh Đắk Lắk.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGƯỜI LÀM CHỨNG TRONG LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ

1.1. Khái niệm và đặc điểm về người làm chứng

1.1.1. Khái niệm người làm chứng

Theo quy định của pháp luật có thể hiểu như sau về người làm chứng:

+ Người làm chứng là người biết được các tình tiết liên quan đến vụ án. Nhận thức của người làm chứng về các tình tiết của vụ án có thể trực tiếp hoặc gián tiếp (trực tiếp nhìn thấy, nghe thấy hay được người khác kể lại). Những tình tiết mà người làm chứng biết được có thể liên quan đến đối tượng chứng minh được quy định tại Điều 63 BLTTHS năm 2003 hoặc các tình tiết khác có ý nghĩa trong việc giải quyết vụ án (có ý nghĩa chứng minh). Việc họ biết được các tình tiết của vụ án là một thực tế khách quan, và vì vậy họ có thể được triệu tập đến để khai báo về thực tế khách quan đó với tư cách người làm chứng cung cấp chứng cứ cho người có trách nhiệm chứng minh. Việc một người biết về các tình tiết liên quan đến vụ án hình sự là một thực tế khách quan, không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của cơ quan hay người tiến hành tố tụng.

+ Người tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng khi họ không phải người bào chữa của bị can, bị cáo. Theo quy định tại Điều 56 BLTTHS năm 2003 thì người bào chữa có thể là luật sư; người đại diện hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo; bào chữa viên nhân dân. Người bào chữa tham gia tố tụng để thực hiện chức năng gỡ tội nên chỉ đưa ra các chứng cứ có lợi cho bị can, bị cáo. Họ không thể làm chứng vì nghĩa vụ của người làm chứng là khai báo trung thực những gì họ biết về vụ án, nghĩa vụ này mâu thuẫn với nghĩa vụ của người bào chữa. Vì vậy, điểm b khoản 2 Điều 56 BLTTHS năm 2003 cũng đã quy định nếu một người nào đó đã tham gia tố tụng với tư cách người bào chữa thì không được làm chứng trong vụ án đó.

+ Người đó phải có khả năng nhận thức được các tình tiết của vụ án và có khả năng khai báo đúng đắn. Điểm b khoản 2 Điều 55 BLTTHS năm 2003 quy định những người do có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất mà không có khả năng nhận thức được những tình tiết liên quan đến vụ án hoặc không có khả năng khai báo đúng đắn thì không được làm chứng. Theo quy định của pháp luật thì người làm chứng là người biết được các

tình tiết liên quan tới vụ án, những người có nhược điểm về thể chất biết được các tình tiết theo cách riêng của họ.

+ Người biết được các tình tiết liên quan đến vụ án chỉ có thể trở thành người làm chứng khi được các cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập. Trong thực tiễn điều tra có nhiều người biết tình tiết của vụ án đang điều tra nhưng không trở thành người làm chứng bởi luật quy định những trường hợp này không được làm chứng (người bào chữa của bị can, bị cáo; người có nhược điểm tâm thần, thể chất mà không có khả năng nhận thức và khai báo đúng đắn - khoản 2 Điều 55 BLTTHS năm 2003), hoặc do cơ quan có thẩm quyền xét thấy không cần thiết phải triệu tập họ để lấy lời khai với tư cách người làm chứng trong vụ án. Trường hợp có nhiều người biết các thông tin liên quan đến vụ án, các cơ quan tiến hành tố tụng phải có sự lựa chọn.

Từ những phân tích trên có thể hiểu khái niệm về người làm chứng như sau: Người làm chứng là người biết được tình tiết liên quan đến vụ án, được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng triệu tập để khai báo về những sự việc cần xác minh trong vụ án.

1.1.2. Đặc điểm về người làm chứng

Những đặc điểm về nhận thức và tâm lý khác biệt của người làm chứng trong tố tụng hình sự có thể lý giải phần nào tình trạng người làm chứng không tích cực hợp tác với các cơ quan tiến hành tố tụng.

- Nhiều người làm chứng chưa nhận thức đầy đủ về nghĩa vụ pháp lý của mình

Do trình độ hiểu biết pháp luật của đại đa số người dân còn hạn chế nên không phải ai cũng nhận thức được nghĩa vụ của mình trước pháp luật. Nhiều người cho rằng trách nhiệm điều tra làm rõ tội phạm là trách nhiệm của các cơ quan bảo vệ pháp luật, không phải trách nhiệm của họ. Từ đó dẫn đến thái độ thờ ơ, thiếu trách nhiệm trong việc cung cấp thông tin mà họ biết với các cơ quan tiến hành tố tụng.

- Người làm chứng có tâm lý sợ phiền hà, không muốn mất thời gian ảnh hưởng tới công việc và sinh hoạt của mình, tốn kém tiền của hoặc bị phía đối tượng trong vụ án mua chuộc. Ra làm chứng cũng có nghĩa là tham gia vào hoạt động tố tụng cho nên người làm chứng có nghĩa vụ pháp lý trong suốt thời gian điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự. Điều đó ảnh hưởng đến thời gian làm việc, học tập, sinh hoạt, ảnh hưởng đến thu nhập kinh tế thậm chí phải mất chi phí cho việc làm chứng (chi phí đi lại, ăn ở).

- Người làm chứng sợ bị xử lý trước pháp luật do bản thân họ có liên quan tới sự việc tội phạm ở mức độ nhất định hoặc sợ bị phát hiện những hành vi xấu xa của mình, họ sợ bị liên đới chịu trách nhiệm với kẻ phạm tội. Trường hợp người làm chứng không có hành vi liên quan tới sự việc phạm tội nhưng tình cờ được chứng kiến hành vi phạm tội trong khi bản thân họ đang làm những chuyện xấu xa, vô đạo đức do đó họ chỉ muốn tránh xa các cơ quan bảo vệ pháp luật để không bị lâm vào tình cảnh rắc rối.

- Người làm chứng sợ ảnh hưởng không tốt đến uy tín, danh dự của bản thân hoặc đến mối quan hệ với các đối tượng trong vụ án. Khi ra làm chứng trước pháp luật họ sợ bị mọi người xung quanh hiểu lầm mình có dính líu gì đó đến vụ án nên mới bị cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập. Mặt khác trong xã hội vẫn còn nhiều người thành kiến với việc kiện tụng, coi việc tố cáo nhau là xấu dù họ biết việc bị tố cáo là việc xấu, thậm chí là tội phạm. Họ muốn tội phạm bị trừng trị nghiêm minh nhưng nhiều người vẫn cảm thấy “áy náy” vì cho rằng vì mình đứng ra làm chứng mà người khác vào tù.

- Người làm chứng có tâm lý sợ bị trả thù, thiếu niềm tin với các cơ quan tiến hành tố tụng. Thực tế trong những vụ án ma túy, buôn bán phụ nữ trẻ em, liên quan tới các băng nhóm tội phạm nhiều người làm chứng và người thân của họ đã bị đối tượng, đồng bọn hay gia đình đối tượng mua chuộc, dọa dẫm buộc họ phải im lặng hay khai báo có lợi cho đối tượng, nhiều người làm chứng đã bị trả thù.

1.2. Vai trò của người làm chứng trong tố tụng hình sự

Vai trò của người làm chứng là hỗ trợ tư pháp, sẽ dễ dàng nhận thấy sự khác biệt giữa người làm chứng và người bị hại trong TTHS. Theo đó người bị hại là nạn nhân trực tiếp của hành vi tội phạm nên lời khai của họ có thể phản ánh đậm nét hơn những đánh giá, cảm xúc chủ quan về các tình tiết của vụ án so với lời khai của người làm chứng. *"Lời khai người bị hại không chỉ là nguồn chứng cứ làm sáng tỏ sự thật của vụ án mà còn là lời buộc tội, là công cụ bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của người đó. Trình bày lời khai không chỉ là nghĩa vụ tố tụng mà đồng thời còn là quyền tố tụng của người bị hại"*. Ở góc độ này người bị hại được nhìn nhận là chủ thể thực hiện chức năng buộc tội, còn người làm chứng là người giúp cho CQTHTT trong quá trình điều tra, chứng minh có hay không hành vi phạm tội.

Vai trò của người làm chứng là một nguồn chứng cứ quan trọng

trong việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự. Một vụ án hình sự bao giờ cũng để lại dấu vết và những dấu vết đó được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, có ý nghĩa quan trọng trong việc giải quyết đúng đắn vụ án hình sự, nhằm xác định có hay không có hành vi phạm tội. Các cơ quan THTT sẽ căn cứ vào các dấu vết đã thu thập được để khởi tố, truy tố, xét xử một người có hành vi phạm tội. Những dấu vết đó được gọi là chứng cứ. Theo quy định khoản 2 Điều 64 BLTTHS thì lời khai của người làm chứng là một nguồn chứng cứ rất quan trọng cho việc giải quyết vụ án, hoàn cảnh phạm tội, nhân thân người phạm tội...

Vai trò của người làm chứng trong nghĩa vụ chứng minh: Chứng minh trong TTHS là một dạng hoạt động mang tính chất pháp lý được điều chỉnh bởi luật tố tụng hình sự và pháp luật liên quan, được thực hiện bởi chủ thể có quyền, quá trình chứng minh có hay không có tội phạm đó là nghĩa vụ bắt buộc của cơ quan THTT như CQĐT, VKS, TA *"trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng. Bị can, bị cáo có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội"*

Vai trò của người làm chứng đối với việc làm sáng tỏ sự thật vụ án. Trong quá trình đi tìm sự thật khách quan của vụ án thì nghĩa vụ chứng minh làm sáng tỏ vụ án hình sự là quan trọng nhất và luôn luôn tồn tại trong các giai đoạn của quá trình tố tụng. Từ khi khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử CQTHTT luôn cố gắng chứng minh *"có hành vi phạm tội xảy ra hay không, thời gian địa điểm và những tình tiết khác của hành vi phạm tội; ai là người thực hiện hành vi phạm tội, có lỗi hay không có lỗi, do vô ý hay do cố ý, có năng lực trách nhiệm hình sự hay không, mục đích, động cơ phạm tội; những tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo và những đặc điểm về nhân thân"*

Vai trò của người làm chứng trong việc bảo vệ pháp luật, bảo vệ những quyền cơ bản của công dân. Quy định của BLTTHS thì một trong những nhiệm vụ cơ bản đó là *"không bỏ lọt tội phạm và bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa"* Điều 1 BLTTHS được coi là kim chỉ nam cho phương pháp hoạt động trong TTHS. Theo đó, người làm chứng cũng như các chủ thể khác trong quá trình tố tụng luôn cố gắng chứng minh tội phạm, không để có người bị oan, không để cho những người lợi dụng để làm điều sai trái, những người vi phạm pháp luật sống ngoài vòng pháp luật thì đó cũng là một trong những cách bảo vệ hữu hiệu nhất.

Vai trò của người làm chứng trong nghĩa vụ chứng minh đối với

công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Mọi công dân trong xã hội dù ở cương vị nào cũng đều bị chi phối bởi pháp luật, tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội đều chịu sự điều chỉnh những quy định của pháp luật. Nhiệm vụ của công dân là tuân theo pháp luật. Nhiệm vụ của TTHS không những là phát hiện tất cả hành vi phạm tội đã diễn ra trên thực tế mà còn hạn chế tới mức thấp nhất hành vi đó. Người làm chứng là một chủ thể của quá trình tố tụng tuân thủ những quy định của pháp luật TTHS về trình tự, thủ tục và tính trung thực trong cung cấp lời khai cho CQTHTT trong quá trình làm sáng tỏ vụ án với mong muốn tìm ra người phạm tội, mục đích, động cơ của hành vi và quá trình thực hiện hành vi phạm tội như thế nào.. Từ đó những người thực thi pháp luật có cái nhìn tổng quát và toàn diện hơn về những hành vi phạm tội mà có phương hướng và phương pháp cụ thể có hiệu quả để phòng chống tội phạm.

1.3. Quy định về người làm chứng trong pháp luật tố tụng hình sự một số nước trên thế giới

1.3.1. Quy định về người làm chứng trong pháp luật tố tụng hình sự của Cộng hòa liên bang Đức

Trước khi vụ án đưa ra xét xử, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa ra quyết định triệu tập những người liên quan đến phiên tòa, nếu phiên tòa kéo dài Thẩm phán có thể quyết định những người làm chứng được triệu tập đến phiên tòa sẽ kéo dài thời gian triệu tập đến phiên tòa. Sau khi người làm chứng được Tòa án triệu tập được kiểm tra bởi Thẩm phán chỉ định nếu việc ốm đau hoặc sức khỏe và những yếu tố khác gây ảnh hưởng đến việc có mặt của người làm chứng trong một thời hạn không xác định, “*nguyên tắc này tương tự sẽ được áp dụng nếu người làm chứng không thể có mặt tại phiên tòa vì ở quá xa, người làm chứng tham gia xét xử thông qua việc đưa ra lời tuyên thệ ngoại trừ các trường hợp đã được quy định hoặc được chấp nhận*” (Điều 223).

1.3.2. Quy định về người làm chứng trong pháp luật tố tụng hình sự của Cộng hòa Pháp

Về việc xét hỏi nhân chứng Thẩm phán điều tra triệu tập bất kỳ ai có tuyên bố hữu ích với mình thông qua thừa phát lại hoặc sỹ quan cảnh sát, nhân chứng cũng có thể được triệu tập bằng thư tín thông thường, thư bảo đảm thông qua các kênh hành chính, họ cũng có thể trình diện. “*Khi được triệu tập hoặc gửi thư, nhân chứng được thông báo là nếu không trình diện hoặc từ chối trình diện thì có thể bị nhân viên thực thi pháp luật áp giải*” (Điều 101).

1.3.3. Quy định về người làm chứng trong pháp luật tố tụng hình sự của Liên bang Nga

Việc lấy lời khai được tiến hành trong giai đoạn tố tụng trước khi xét xử tại tòa án, lấy lời khai của người làm chứng là những thông tin do họ đưa ra khi lấy lời khai. Khi lấy lời khai người làm chứng có thể được hỏi về bất kỳ tình tiết nào liên quan đến vụ án, về nhân thân của bị can, người bị hại và mối quan hệ giữa họ với bị can, người bị hại và những người làm chứng khác. Việc lấy lời khai được tiến hành ở nơi tiến hành điều tra dự thẩm, trong trường hợp xét thấy cần thiết, dự thẩm viên có quyền tiến hành việc lấy lời khai tại nơi ở của đương sự và lấy lời khai không quá 4 tiếng. Việc lấy lời khai của người làm chứng chưa đủ 14 tuổi và từ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi theo ý kiến của Dự thẩm viên, được tiến hành với sự tham gia của nhà sư phạm. Khi lấy lời khai của người chưa thành niên thì đại diện hợp pháp của họ được quyền có mặt, người làm chứng là người chưa đủ 16 tuổi thì không bị cảnh báo về trách nhiệm do từ chối khai báo hoặc khai báo gian dối.

1.3.4. Quy định về người làm chứng trong pháp luật tố tụng hình sự của Nhật Bản

Trừ các quy định khác trong bộ luật tố tụng hình sự Nhật Bản, “Tòa án có thể kiểm tra bất kỳ ai với tư cách nhân chứng, liên quan đến bất kỳ tình tiết nào thuộc về một người là hoặc đã từng là cán bộ chính phủ, thì chính người này hoặc cơ quan này đã cam kết là tình tiết này thuộc bí mật công vụ, người này không bị kiểm tra với tư cách nhân chứng trừ khi và cho đến khi có sự đồng ý của cơ quan giám sát; với điều kiện là cơ quan giám sát này không thể từ chối sự đồng ý trừ các trường hợp có thể gây thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích nhà nước” (Điều 144).

Chương 2

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ NGƯỜI LÀM CHỨNG VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TẠI TỈNH ĐẮK LẮK

2.1. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện hành về người làm chứng

2.1.1. Quy định về quyền của người làm chứng

- Quyền yêu cầu cơ quan triệu tập họ bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của mình khi tham gia tố tụng (điểm a khoản 3 Điều 55 BLTTHS).

Điểm a khoản 3 Điều 55 BLTTHS là sự cụ thể hóa một trong những nguyên tắc cơ bản của hoạt động tố tụng hình sự đó là nguyên tắc bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của công dân (quy định tại Điều 7 BLTTHS). Nội dung nguyên tắc này xác định rõ “Người bị hại, người làm chứng và người tham gia tố tụng khác cũng như người thân thích của họ mà bị đe dọa đến tính mạng, sức khỏe, bị xâm phạm danh dự, nhân phẩm, tài sản thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải áp dụng những biện pháp cần thiết để bảo vệ theo quy định của pháp luật”.

+ Quyền khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng (điểm b khoản 3 Điều 55 BLTTHS).

Quyền khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là sự cụ thể hóa một trong những quyền Hiến định cơ bản của công dân thuộc nhóm quyền về chính trị quy định tại Hiến pháp 1992. Điều 74 Hiến pháp quy định: “*Công dân có quyền khiếu nại với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân hoặc bất cứ cá nhân nào*”. Người làm chứng nếu nhận thấy các quyết định, hành vi của cơ quan, người tiến hành tố tụng là sai trái, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự nhân phẩm, tài sản của bản thân thì có quyền khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền yêu cầu bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

+ Quyền được cơ quan triệu tập thanh toán chi phí đi lại và những chi phí khác theo quy định của pháp luật (điểm c khoản 3 Điều 55 BLTTHS).

Ngoài một số nguyên tắc cơ bản của công dân được quy định trong Hiến pháp, BLTTHS năm 2003 còn trao cho người làm chứng được thanh toán chi phí làm chứng. Việc thanh toán chi phí đi lại và những chi phí khác tạo điều kiện thuận lợi về kinh phí vật chất cho người làm chứng thực hiện nghĩa vụ công dân của mình, thúc đẩy người làm chứng tích cực thực hiện nghĩa vụ của mình. Điều đó là hoàn toàn hợp lý bởi, khi người làm chứng được triệu tập tham gia tố tụng thì họ phải hoãn lại công việc riêng của mình để có mặt theo giấy triệu tập của CQTHTT và hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ của một người làm chứng, việc ra làm chứng ảnh hưởng rất nhiều đến thời gian và trình tự công việc hàng ngày của họ, chưa kể đến

những mất mát về tài sản mà họ phải gánh chịu, nên họ có quyền được bù đắp và hoàn toàn xứng đáng có được quyền này. Theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 55 BLTTHS thì người làm chứng có thể liệt kê các chi phí liên quan đến việc đi lại, ăn ở (trường hợp người làm chứng ở xa) và các chi phí khác yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng thanh toán các chi phí đó.

2.1.2. Quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về nghĩa vụ của người làm chứng

+ Nghĩa vụ có mặt theo giấy triệu tập của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án; trong trường hợp cố ý không đến mà không có lý do chính đáng và việc vắng mặt của họ gây trở ngại cho việc điều tra, truy tố, xét xử thì có thể bị dẫn giải (điểm a khoản 4 Điều 55 BLTTHS)

Khoản 1 Điều 25 BLTTHS quy định: “*Các tổ chức, công dân có quyền và nghĩa vụ phát hiện, tố giác hành vi phạm tội; tham gia đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, góp phần bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức*”. Như vậy phòng, chống tội phạm là nghĩa vụ của mọi công dân với Nhà nước. Người làm chứng khi nhận được giấy triệu tập của cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu họ thực hiện nghĩa vụ công dân của mình để giải quyết một vụ án cụ thể, phải có mặt theo giấy triệu tập đó. Sự có mặt của người làm chứng đúng thời gian, địa điểm ghi trong giấy triệu tập là cần thiết, có ý nghĩa quan trọng trong giải quyết án.

Khoản 2 Điều 133 BLTTHS năm 2003 quy định khi triệu tập người làm chứng: “*Các cơ quan, tổ chức đó có trách nhiệm tạo điều kiện cho người làm chứng thực hiện nghĩa vụ*”. Quy định này dường như không thực hiện được trên thực tế vì trong các luật chuyên ngành không quy định về quyền của người lao động được nghỉ việc để tham gia làm chứng trong vụ án hình sự. Trong Bộ luật lao động chỉ quy định thời gian nghỉ hưởng nguyên lương là nghỉ hàng năm (Điều 74) nghỉ về việc riêng (Điều 78), nghỉ ngày lễ (Điều 73). Luật cán bộ, công chức cũng không có quy định nào về việc cán bộ, công chức được phép nghỉ làm tại cơ quan để thực hiện nghĩa vụ làm chứng của mình. Do vậy khi được triệu tập người làm chứng phải xuất trình giấy triệu tập báo cáo cơ quan nơi công tác để được nghỉ làm việc tham gia tố tụng khi có yêu cầu của CQTHTT.

+ Nghĩa vụ khai trung thực tất cả những tình tiết mà mình biết về vụ án (điểm b khoản 4 Điều 55 BLTTHS).

Người làm chứng tham gia tố tụng với chức năng hỗ trợ cơ quan tiến hành tố tụng làm sáng tỏ vụ án. Lời khai gian dối của người làm chứng có thể làm tăng nặng hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo. Tội phạm cần phải được trừng trị nghiêm minh, do vậy khai trung thực tất cả những tình tiết mà mình biết về vụ án là một trong những nghĩa vụ quan trọng của người làm chứng. Người làm chứng tham gia vào quá trình giải quyết vụ án do họ biết những tình tiết liên quan đến vụ án, lời khai của họ là nguồn chứng cứ quan trọng góp phần làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án nhằm bảo vệ lợi ích chung của xã hội. Vì vậy, người làm chứng phải có nghĩa vụ khai báo tất cả, khai trung thực, không che giấu những gì mà họ biết về vụ án.

2.1.3. Một số quy định khác trong luật tố tụng hình sự Việt Nam có liên quan đến người làm chứng

Quy định của BLTTHS năm 2003 về trách nhiệm của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng bảo đảm các quyền, lợi ích và nghĩa vụ cho người làm chứng.

- Phải áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự nhân phẩm, tài sản của người làm chứng và người thân thích của họ theo quy định của pháp luật. Đi đôi với việc quy định các quyền cho người làm chứng, BLTTHS năm 2003 cũng quy định về trách nhiệm của cơ quan và người tiến hành tố tụng, tạo sự ràng buộc trách nhiệm từ phía Nhà nước, bảo đảm thực thi quyền lợi cho người làm chứng. Điều 7 BLTTHS quy định: *“Người bị hại, người làm chứng và người tham gia tố tụng khác cũng như người thân thích của họ mà bị đe dọa đến tính mạng, sức khỏe, bị xâm phạm danh dự, nhân phẩm, tài sản thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải áp dụng những biện pháp cần thiết để bảo vệ theo quy định của pháp luật”*. Đây là một quy định mới quan trọng được bổ sung mang tính nguyên tắc của BLTTHS, được cụ thể tại khoản 5 Điều 211 BLTTHS *“Trong trường hợp cần thiết phải bảo đảm an toàn cho người làm chứng và những người thân thích của họ, Hội đồng xét xử phải quyết định thực hiện biện pháp bảo vệ theo quy định của pháp luật”*. Và một số quy định cụ thể khác thể hiện *“Trong quá trình tiến hành tố tụng, Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phải nghiêm chỉnh thực hiện những quy định của pháp luật và phải chịu trách nhiệm về những hành vi, quyết định của mình”*(Điều 12 BLTTHS); *“Trong trường hợp người làm chứng tham gia thực nghiệm điều tra thì Cơ quan điều tra*

không được xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của họ” (Điều 153 BLTTHS).

- Phải giải thích quyền và nghĩa vụ cho người làm chứng và bảo đảm cho họ thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình

Điều 62 BLTTHS chỉ rõ “*Cơ quan, người tiến hành tố tụng có trách nhiệm giải thích và bảo đảm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật này. Việc giải thích phải được ghi vào biên bản*”. Vì vậy, trong các hoạt động lấy lời khai người làm chứng, đối chất, nhận dạng thực nghiệm điều tra người tiến hành tố tụng có trách nhiệm giải thích quyền và nghĩa vụ cho người làm chứng biết (Điều 135, Điều 138, Điều 139 và Điều 204 BLTTHS). Đó như là một sự đảm bảo cần thiết cho người làm chứng biết về quyền và nghĩa vụ của mình, để họ tự bảo vệ quyền lợi cho mình và thực hiện nghĩa vụ tố tụng.

- Phải giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan: Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình (Điều 325 BLTTHS). Người bị khiếu nại có nghĩa vụ giải trình về quyết định, hành vi tố tụng bị khiếu nại; chấp hành kết quả giải quyết khiếu nại; bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do quyết định, hành vi tố tụng trái pháp luật của mình gây ra theo quy định của pháp luật (Điều 327 BLTTHS).

2.2. Thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về người làm chứng tại tỉnh Đắk Lắk

2.2.1. Những kết quả đạt được và nguyên nhân

+ Những kết quả đạt được:

Bảng 2.1: Số liệu các vụ án hình sự thụ lý của TAND tỉnh Đắk Lắk từ năm 1999 đến năm 2013

<i>Thụ lý</i>	<i>Năm 2009</i>	<i>Năm 2010</i>	<i>Năm 2011</i>	<i>Năm 2012</i>	<i>Năm 2013</i>
Sơ thẩm	1605 vụ	1299 vụ	1430 vụ	1664 vụ	1585 vụ
Phúc thẩm	419 vụ	422 vụ	439 vụ	496 vụ	516 vụ
Tổng	2024 vụ	1721 vụ	1869 vụ	2160 vụ	2101 vụ

(Nguồn: Báo cáo công tác các năm của TAND tỉnh Đắk Lắk).

Về độ tuổi của người làm chứng: Dưới 18 tuổi: 345 vụ chiếm tỷ lệ 3,49%; Từ 18 tuổi đến 40 tuổi: 4.437 vụ chiếm tỷ lệ 44,9%; Từ 40 đến 60 tuổi: 3.147 vụ chiếm tỷ lệ 31,86%; Trên 60 tuổi: 577 vụ chiếm tỷ lệ 5,8%.

Về giới tính nữ: 3.575 vụ chiếm tỷ lệ 42%; giới tính nam: 4931 vụ chiếm 57,9%.

Về địa phương chủ yếu ở các địa bàn có nhiều vụ án hình sự như: Tp Buôn ma thuật, huyện Krông Pắc, huyện Ea Kar, huyện Cư Mgar, huyện Ea H'leo, huyện Krông Năng.

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, phần lớn số người làm chứng đã thực hiện đúng nghĩa vụ có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan tiến hành tố tụng và nghĩa vụ khai báo trung thực tất cả những tình tiết liên quan đến vụ án. Theo ước tính của các cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Đắk Lắk, trong các vụ án hình sự được điều tra, truy tố, xét xử có khoảng 31,2% trong tổng số các vụ án xảy ra trong các năm qua được phát hiện nhờ có sự tham gia của người dân tin báo, tố giác tội phạm và trong các vụ án đã đưa ra xét xử hầu hết chiếm 86,3% đều có người làm chứng (8.506 vụ). Trong 5 năm qua với số lượng án hình sự xét xử là 9.875 vụ án TAND hai cấp tỉnh Đắk Lắk không xét xử oan sai trường hợp nào.

+ Nguyên nhân

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật, việc xem xét đánh giá chứng cứ để xác định tội danh và quyết định hình phạt đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Trong 5 năm qua không có trường hợp nào xét xử oan người vô tội và bỏ lọt tội phạm, ngành Tòa án đã đưa đi xét xử lưu động 945 vụ án tại vùng sâu, vùng xa địa bàn xảy ra tội phạm. Qua đó góp phần nâng cao ý thức pháp luật và tinh thần đấu tranh phòng chống tội phạm trong quần chúng nhân dân. Đạt được kết quả cao trong công tác phòng chống tội phạm thì vai trò của người làm chứng trong từng vụ án cụ thể có vai trò to lớn trong việc giúp cơ quan tiến hành tố tụng tỉnh Đắk Lắk làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án.

2.2.2. Những hạn chế và nguyên nhân

2.2.2.1. Những hạn chế

+ Về việc có mặt theo giấy triệu tập của người làm chứng

Trên thực tế vẫn còn nhiều vụ án hình sự, người làm chứng tỏ ra e ngại trong việc hợp tác với các cơ quan tiến hành tố tụng nên khi được triệu tập đã không có mặt. Một trong những nguyên nhân của thực trạng này là người làm chứng bị tác động từ phía đối tượng (người làm chứng bị đe dọa, mua chuộc...). Mặc dù chưa có cơ quan, đơn vị nào có báo cáo hoặc thống kê chính thức về tình hình đe dọa, xâm hại đối với người làm

chứng trong vụ án hình sự, nhưng qua nghiên cứu một số vụ án xảy ra, có thể xác nhận những tác động của người phạm tội hoặc thân nhân của họ như mua chuộc, đe dọa, gây thiệt hại là có thật và là nguyên nhân dẫn đến một số vụ án hình sự không được làm rõ hoặc không được xử lý triệt để và dẫn đến các kết quả tiêu cực khác.

+ Về việc thực hiện nghĩa vụ khai báo của người làm chứng

Khi được cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập đa phần người làm chứng đều tích cực hợp tác trong việc làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Nhưng bên cạnh đó vẫn còn tình trạng người làm chứng có thái độ bất hợp tác hoặc hợp tác không tích cực. Tình trạng này thường thấy trong các vụ án mà người làm chứng có mối quan hệ họ hàng, quen biết, quan hệ công việc với bị can, bị cáo, người bị hại hoặc do người làm chứng bị tác động như trả thù, đe dọa, mua chuộc. Do đó, người làm chứng thường không có mặt khi cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập, khai báo một cách qua loa, không đầy đủ, không đúng những gì mình biết về vụ án.

+ Về bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản và các quyền, lợi ích hợp pháp cho người làm chứng

Từ khi BLTTHS năm 2003 có hiệu lực cho đến nay, những quy định về bảo vệ người làm chứng trong vụ án hình sự không những chưa được hướng dẫn chi tiết, mà trên thực tế vẫn chưa được triển khai thực hiện một cách nghiêm túc, mặc dù trong thực tiễn hoạt động tố tụng hình sự đã xuất hiện rất nhiều tình huống cần phải áp dụng các biện pháp thích hợp để bảo vệ người làm chứng và người thân thích của họ.

+ Về việc giải quyết khiếu nại quyết định, hành vi của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng của người làm chứng

BLTTHS năm 2003 quy định cho người làm chứng có quyền khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nhưng rất ít người làm chứng thực hiện quyền được khiếu nại này của mình, ít có trường hợp nào người làm chứng khiếu nại hành vi của điều tra viên hay thẩm phán đã quên không giải thích quyền và nghĩa vụ cho họ hoặc giải thích không đầy đủ, không chính xác. Vì có khiếu nại thì cũng không nhận được sự trả lời từ phía cơ quan tiến hành tố tụng, nếu có thì rất lâu, chung chung và không có hiệu quả.

Việc thanh toán chi phí đi lại và những chi phí khác theo quy định của pháp luật cho người làm chứng

Do nhận thức chưa thống nhất nên hiện nay mới chỉ có Tòa án trả chi

phí đi lại, ăn ở cho người làm chứng, còn Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát chưa thanh toán chi phí cho người làm chứng. Người làm chứng được thanh toán chi phí đi lại và những chi phí khác nhưng những khoản thanh toán này thường không theo kịp giá cả thị trường hoặc không kịp thời.

2.2.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế

+ Nguyên nhân về mặt pháp luật

- Quy định của BLTTHS năm 2003 về quyền của người làm chứng còn hạn chế và chưa quy định về quyền, nghĩa vụ cho người đại diện hợp pháp của người làm chứng chưa thành niên, người làm chứng là người có nhược điểm về thể chất và tinh thần nhưng chưa đến mức mất khả năng nhận thức được những tình tiết của vụ án.

- Quy định của BLTTHS và pháp luật có liên quan người làm chứng về bảo đảm quyền của người làm chứng còn nhiều quy định mang tính nguyên tắc, hình thức, chưa cụ thể, chưa hợp lý, chưa đầy đủ. Việc thanh toán các chi phí cho người làm chứng theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 55 BLTTHS 2003 chưa đầy đủ và trong một thời gian dài không được hướng dẫn cụ thể để thực hiện thống nhất trên thực tế.

- Một số quy định của BLTTHS năm 2003 và các văn bản pháp luật khác có liên quan chưa thực sự đồng bộ.

+ Một số nguyên nhân khác

- Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong một số trường hợp chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa tốt các biện pháp bảo quyền và nghĩa vụ của người làm chứng.

- Có những trường hợp người làm chứng còn thiếu hiểu biết pháp luật, không nhận thức rõ quyền và nghĩa vụ, không ý thức được vai trò của mình hoặc còn bị ảnh hưởng bởi tác động từ người khác.

- Tình trạng mua chuộc, đe dọa, trả thù người làm chứng.

Ngoài những nguyên nhân nêu trên còn có những nguyên nhân khác dẫn đến thực trạng người làm chứng chưa thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của mình và cơ quan tiến hành tố tụng chưa thực hiện tốt việc bảo đảm để người làm chứng thực hiện quyền và nghĩa vụ. Ví dụ như do điều kiện giao thông, hoàn cảnh địa lý cũng có thể là nguyên nhân làm cho việc triệu tập, dẫn giải người làm chứng khó thực hiện. Đó cũng là một trong những nguyên nhân khiến người làm chứng ngại thực hiện nghĩa vụ có mặt theo giấy triệu tập.

Chương 3

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ VỀ NGƯỜI LÀM CHỨNG TẠI TỈNH ĐẮK LẮK

3.1. Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về người làm chứng

Quyền đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng. Một trong những nguyên tắc cơ bản của hoạt động TTHS là phải đảm bảo sự vô tư, khách quan của những người tiến hành tố tụng, nhưng người làm chứng không có quyền này. Đây là nguyên tắc tố tụng quan trọng đảm bảo để tố tụng được tiến hành một cách khách quan. Nhất là trong trường hợp có căn cứ rõ ràng người tiến hành tố tụng có thẩm quyền không khách quan trong việc lấy lời khai của người làm chứng và không tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng nhằm buộc tội cho bị cáo. Việc bổ sung quyền này cho người làm chứng đồng thời cũng là biện pháp đề cao trách nhiệm của các CQTHTT.

Quyền được đọc và yêu cầu sửa đổi bổ sung biên bản phiên tòa. Luật TTHS không quy định người làm chứng có quyền yêu cầu được xem biên bản phiên tòa và đề nghị bổ sung, sửa chữa cho chính xác lời khai của họ tại phiên tòa. Trong thực tiễn các thư ký ghi chép không kịp diễn biến phiên tòa, ghi thiếu, ghi sai ý. Vì còn ghi chép thủ công, có thư ký để trống để sau khi phiên tòa sẽ hoàn chỉnh sau, nhiều bản án đã trích dẫn sai ý kiến của người làm chứng, việc yêu cầu sửa đổi bổ sung chủ yếu do đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo hay bảo vệ quyền lợi cho đương sự, còn chính bản thân người làm chứng lại không có quyền này. Để xóa bỏ tình trạng các biên bản phiên tòa bị thư ký ghi chép không chính xác, đôi khi trở thành bất lợi cho bị cáo, cần bổ sung cho người làm chứng được quyền yêu cầu cho xem biên bản phiên tòa và được quyền yêu cầu sửa đổi bổ sung cho chính xác và rõ ràng là cần thiết bảo vệ quyền lợi cho người tham gia tố tụng tránh việc xử án oan sai.

Quyền được đối đáp, trình bày ý kiến tham gia tranh luận. Để bảo đảm nguyên tắc bình đẳng trong TTHS, để cho các cuộc tranh tụng hình sự thực sự dân chủ, nên quy định quyền của người làm chứng đưa ra ý kiến khẳng định bảo vệ quan điểm về ý kiến của họ hoặc thay đổi lời trình bày của họ liên quan đến những gì họ biết về vụ án. Ngoài ra, trong các phiên tòa hình sự có nhiều người làm chứng nếu họ có ý kiến khác nhau về cùng

một sự việc, thì việc để cho những người làm chứng tham gia đối đáp sẽ góp phần làm sáng tỏ lời khai nào là gần với sự thật khách quan nhất. Cho nên việc cho những người làm chứng tham gia đối đáp là cần thiết để làm sáng tỏ các tình tiết của vụ án.

Quyền được cấp bản sao bản án. Thiết nghĩ nên bổ sung quyền này cho người làm chứng vì họ cũng là người tham gia tố tụng góp phần làm sáng tỏ vụ án nên họ cũng có quyền này nếu có nhu cầu. Bởi trong thực tế có nhiều người làm chứng muốn giữ bản án mà có sự tham gia của mình như một kỷ niệm mặt khác cũng có những người có trách nhiệm muốn nghiên cứu xem mức độ đánh giá và nhận định của Hội đồng xét xử về những tình tiết do họ cung cấp.

Quyền kháng cáo. Hầu hết những người tham gia tố tụng đều có quyền này nhưng riêng người làm chứng thì không có mặc dù họ có quyền kháng cáo đối với phần nhận định lời khai của họ. Quyền kháng cáo của họ có thể vì lợi ích chung chứ không nhất thiết là họ phải có quyền lợi thì mới được kháng cáo. Điều này là hết sức mới mẻ vì từ trước đến nay quan niệm về người làm chứng là có nghĩa vụ khai báo những gì mà họ biết về vụ án ngoài ra luật không quy định cho họ có bất cứ một quyền tố tụng nào nêu trên.

Một số kiến nghị đề nghị sửa đổi bổ sung điều 55 của BLTTHS.

Sửa đổi bổ sung khoản 2 Điều 55 BLTTHS.

2. Những người sau không được làm chứng:

a) Người bào chữa của bị can, bị cáo; người đại diện hợp pháp của người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hình sự; người bảo vệ quyền lợi của người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án hình sự; người đã tham gia vào vụ án với tư cách là Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán.

Sửa đổi bổ sung khoản 3 Điều 55 BLTTHS.

3. Người làm chứng có quyền: a)... b)... c)...

đ) Yêu cầu cơ quan điều tra áp dụng biện pháp ghi âm các cuộc điện thoại liên lạc trong trường hợp cần xác nhận có sự đe dọa hoặc hoạt động khác gây nguy hại.

e) Tại phiên tòa người làm chứng có quyền trình bày ý kiến tranh luận; được đối đáp với người khác, được xem biên bản phiên tòa, yêu cầu ghi những bổ sung, sửa đổi vào biên bản phiên tòa và ký xác nhận;

g) Quyền yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng cung cấp biên bản, quyết định tố tụng liên quan đến việc làm chứng của họ;

h) Được từ chối làm chứng nếu có lý do chính đáng;

i) Quyền được kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án.

Cần bổ sung thành một khoản riêng tại Điều 55 BLTTHS, cụ thể:

Khoản 5 Điều 55 BLTTHS: Quyền và nghĩa vụ của người đại diện hợp pháp cho người làm chứng dưới 16 tuổi, người làm chứng bị hạn chế về mặt thể chất và tinh thần nhưng chưa đến mức mất khả năng nhận thức được những tình tiết của vụ án.

a) Được thanh toán chi phí đi lại và các chi phí khác theo quy định của pháp luật trong thời gian giám hộ;

b) Được có mặt khi lấy lời khai, xét hỏi người làm chứng;

c) Có quyền thay đổi người tiến hành tố tụng nếu người tiến hành tố tụng đang giải quyết vụ án có hành vi xâm phạm quyền của người được đại diện;

d) Chịu trách nhiệm nếu có hành vi xúi giục, ép buộc để người làm chứng khai báo không đúng sự thật hoặc từ chối khai báo;

đ) Người đại diện hợp pháp của người làm chứng dưới 16 tuổi có quyền yêu cầu Cơ quan tiến hành tố tụng cử những người tiến hành tố tụng có chuyên môn tâm lý khi lấy lời khai người chưa đủ 16 tuổi.

3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả về người làm chứng tại tỉnh Đắk Lắk

Thứ nhất, cần tăng cường hiệu quả hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng. Trong hoạt động tư pháp hình sự, nơi mà hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng mang tính quyền lực nhà nước rất cao, nơi mà mọi hoạt động chính đều liên quan lớn đến quyền, lợi ích của công dân thì việc quy định rõ quyền hạn, xác định cụ thể trách nhiệm của người tiến hành tố tụng có ý nghĩa rất quan trọng không chỉ trong việc nâng cao hiệu quả hoạt động tố tụng, mà còn trong việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, trong đó có quyền, lợi ích hợp pháp của người làm chứng cũng như những người thân thích của họ. Do đó, để hoàn thiện cơ chế bảo vệ người làm chứng, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp hiện nay trước hết cần tăng cường hiệu quả hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng. Các cơ quan tiến hành tố tụng là những cơ quan có chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn riêng nhưng hoạt động trong mối liên hệ mật thiết, thống nhất của toàn bộ

hoạt động TTHS, có trách nhiệm áp dụng mọi biện pháp do pháp luật quy định để xác minh sự thật của vụ án, chứng minh tội phạm và xử lý người phạm tội. Việc quy định trách nhiệm này vừa bảo đảm quyền cho người làm chứng quyền, vừa bảo đảm nguyên tắc công bằng trong hoạt động TTHS, thể hiện bản chất dân chủ của tổ tụng hình sự xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, để nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tỉnh Đắk Lắk cần phải tăng cường giám sát các hoạt động tiến hành tố tụng hình sự. Hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng cần và phải chịu sự kiểm tra giám sát chặt chẽ của nhiều cơ chế kiểm tra, giám sát khác nhau; bảo đảm cho các cơ quan này thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình để giải quyết các vụ án hình sự được chính xác, khách quan, toàn diện, các quyền con người được thực hiện triệt để.

Thứ ba, để đạt được hiệu quả cao nhất trong phòng chống tội phạm và bảo vệ người tham gia tố tụng của người làm chứng trong vụ án hình sự, các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng tỉnh Đắk Lắk phải tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nói chung, pháp luật về tố tụng hình sự và hình sự nói riêng đến toàn thể nhân dân và người làm chứng để họ nhận thức được quyền, nghĩa vụ công dân của mình trong công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, giữ vững an ninh trật tự cho xã hội. Tăng cường công tác xét xử lưu động vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn để phổ biến giáo dục pháp luật cho quần chúng nhân dân, hạn chế tội phạm xảy ra và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

Thứ tư cần, xử lý nghiêm những đối tượng xâm hại người làm chứng: Để hạn chế đến mức thấp nhất việc đe dọa, trả thù người làm chứng các cơ quan có thẩm quyền cần xử lý nghiêm những đối tượng xâm hại người làm chứng và buộc họ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trách nhiệm mà đối tượng xâm phạm người làm chứng phải chịu có thể là trách nhiệm hành chính, trách nhiệm dân sự và trách nhiệm hình sự. Khi xét xử bị cáo là đối tượng xâm phạm người làm chứng thì các cơ quan có thẩm quyền, trực tiếp là Tòa án cần phải xử phạt nghiêm hơn đối với đối tượng này qua đó nhằm trừng trị, giáo dục riêng đồng thời để răn đe và giáo dục chung trong cộng đồng.

KẾT LUẬN

Người làm chứng là người không có quyền, lợi ích liên quan đến vụ án nhưng được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng triệu tập đến để khai báo về những việc cần xác minh trong vụ án hình sự. Lời khai của người làm chứng có ý nghĩa quan trọng, là chứng cứ giúp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng tìm ra sự thật của vụ án, là chủ thể của quan hệ pháp luật tố tụng hình sự. Việc quy định người làm chứng có ý nghĩa pháp lý, chính trị và xã hội to lớn. Đó là căn cứ pháp lý để người làm chứng thực hiện các hành vi tố tụng; là cơ sở pháp lý xác định quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan tố tụng đối với người làm chứng. Việc quy định người làm chứng trong BLTTHS còn tạo điều kiện bảo đảm quyền con người, quyền công dân khuyến khích được toàn dân tham gia vào công cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm góp phần vào công cuộc cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Người làm chứng được quy định trong BLTTHS năm 2003 được thực thi trên thực tế 11 năm và đã phát huy hiệu quả to lớn trong công cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm; góp phần bảo vệ pháp chế XHCN; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức; bảo vệ trật tự pháp luật XHCN; giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật. Hầu hết những người làm chứng đều nhận thức đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, thực hiện những hành vi trong phạm vi quyền và nghĩa vụ đó, cung cấp chứng cứ quan trọng giúp các cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết vụ án khách quan, chính xác. Cùng với tiến trình hội nhập quốc tế, cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN như hiện nay việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về người làm chứng càng có ý nghĩa quan trọng. Đồng thời, cần thực hiện một số giải pháp khác bảo đảm cho người làm chứng trong tố tụng hình sự, đặc biệt trong tương lai nên ban hành Luật bảo vệ người làm chứng phù hợp với yêu cầu và thực tiễn của Việt Nam./.